

TÀI LIỆU HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN KHỐI 12 TUẦN 5, 6

NĂM HỌC: 2021-2022

THỜI GIAN	NỘI DUNG KIẾN THỨC, THỰC HÀNH	HÌNH THỨC
Tuần 5	Chủ đề: Luyện tập viết văn nghị luận Phần: Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ	Xem nội dung bên dưới SGK
	Chủ đề: Luyện tập viết văn nghị luận Phần: Nghị luận một ý kiến bàn về văn học	Xem nội dung bên dưới SGK
	Phát biểu theo chủ đề	Xem nội dung bên dưới SGK
	Viết Bắc (phần 2: Tác giả)	Xem nội dung bên dưới SGK
Tuần 6	Viết Bắc (phần 2: Tác phẩm) – Tiết 1,2,3	Xem nội dung bên dưới SGK
	Thực hành một số phép tu từ ngữ âm (HD học sinh tự học)	Xem nội dung bên dưới SGK

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý.

Đề 1: Phân tích bài thơ CẢNH KHUYA của Hồ Chí Minh

- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: Bài thơ ra đời vào thời điểm những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Địa điểm là chiến khu Việt Bắc. Lúc này Hồ Chủ Tịch đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp đầy gian khổ những vô cùng oanh liệt của nhân dân ta.

- Vẻ đẹp của thiên nhiên một đêm trăng ở chiến khu (hình ảnh, âm thanh... cho thấy một đêm trăng đẹp, thơ mộng).

- Nổi bật lên giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng "lo nỗi nước nhà".

- Tính cổ điển và hiện đại trong phong cách thơ Hồ Chí Minh.

+ Thể thơ Đường luật cùng với những hình ảnh thiên nhiên làm cho bài thơ có màu sắc cổ điển.

+ Hình ảnh "lo nỗi nước nhà" kèm với sự phá cách trong hai câu cuối đã làm cho bài thơ mang tính hiện đại.

- Khi phân tích bài thơ cần chú ý 2 điểm:

+ Cảnh đẹp đêm trăng khuya ở chiến khu Việt Bắc (hình ảnh, âm thanh).

+ Sự hài hoà giữa tâm hồn người nghệ sĩ và chiến sĩ trong thơ.

- Đánh giá chung giá trị nghệ thuật của bài thơ.

Đề 2: Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ VIỆT BẮC của Tố Hữu

- Đoạn thơ có thể chia làm 2 phần:

+ Tác giả nhớ lại quang cảnh chiến đấu sôi động, hào hùng của cuộc kháng chiến chống TDP ở Việt Bắc với nhiều lực lượng tham gia; thể hiện rõ trên những con đường bộ đội hành quân, dân quân đi tiếp viện, đoàn ô tô quân sự...

+ Tác giả nhớ lại niềm vui khi tin tức thắng trận của mọi miền đất nước tiếp nối báo về.

- Về nghệ thuật, tác giả đã rất điêu luyện trong việc sử dụng thơ lục bát, thể hiện ở các mặt:

+ Cách dùng từ ngữ, hình ảnh.

+ Cách vận dụng các biện pháp tu từ.

+ Giọng thơ hào hùng, sôi nổi.

=> Chỉ qua đoạn thơ ngắn, Tố Hữu đã thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống TDP của nhân dân ta một cách cụ thể và sinh động.

2 . Sơ kết

- Đối tượng nghị luận về thơ rất đa dạng: một đoạn thơ, một bài thơ, hình tượng thơ...

- Bài viết thường có những nội dung sau:

+ Giới thiệu khái quát về đoạn thơ, bài thơ.

+ Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ.

+ Đánh giá chung về đoạn thơ, bài thơ.

3. Luyện tập, củng cố

- HS đọc phần ghi nhớ.

- HS làm bài tập trong phần luyện tập, sgk trang 86.

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý.

Đề 1

- Nghĩa của các cụm từ trong đề bài:

+ *Phong phú, đa dạng*: có nhiều tác phẩm với nhiều hình thức, thể loại khác nhau.

+ *Chủ lưu*: dòng chính (bộ phận chính), khác với phụ lưu, chi lưu.

+ *Quán thông kim cổ*: thông suốt từ xưa đến nay.

- Đề bài yêu cầu trình bày suy nghĩ về ý kiến của GS. Đặng Thai Mai: Từ xưa đến nay trong cái phong phú, đa dạng của văn học Việt Nam, dòng văn học yêu nước là một chủ lưu, xuyên suốt.

+ Cuộc sống của con người Việt Nam phong phú, đa dạng, thơ văn Việt Nam đã phản ánh cuộc sống đó.

+ Để tồn tại bên cạnh các thế lực quân sự hùng mạnh, nhiều tham vọng, dân tộc Việt Nam từ xưa đã phải luôn chú tâm phòng bị và chiến đấu kiên cường để giữ vững nền độc lập của mình. Do hoàn cảnh đặc biệt đó, chủ lưu của văn học Việt Nam là văn học yêu nước. Đặc điểm đó xuyên suốt từ xưa đến nay.

+ Trên thế giới, mỗi dân tộc có hoàn cảnh riêng, số phận riêng. Là người Việt Nam cần nắm được hoàn cảnh lịch sử của đất nước và đặc điểm của văn học dân tộc mình. Đó cũng là một cách nhớ đến công lao và tâm sức của cha ông ta. Ý kiến của GS. Đặng Thai Mai giúp chúng ta nhìn rõ và khắc sâu những điều đó.

Đề 2

- *Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua cái kẽ*: Tuổi trẻ đọc sách chỉ nhìn thấy được trong phạm vi nhỏ hẹp.

- *Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân*: Theo thời gian, kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn thì tầm nhìn được mở rộng hơn khi đọc sách.

- *Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài*: càng nhiều vốn sống, văn hoá và kinh nghiệm thì đọc sách càng hiểu sâu hơn, rộng hơn.

Câu này ý nói: Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hóa và kinh nghiệm,... nhiều thì đọc sách càng có hiệu quả.

➔ Tác phẩm văn học những cảnh, những tình, những trải nghiệm của cuộc đời. Nhưng tiếp nhận những điều đó đến mức độ nào còn tùy thuộc vào trình độ kinh nghiệm và hiểu biết về cuộc đời của người đọc.

Tuy nhiên, không phải ai từng trải cũng có thể hiểu sâu sắc tác phẩm văn học. Và đối với những người trẻ tuổi, nếu chú ý quan sát, tìm hiểu, biết nâng cao trình độ văn hoá, trình độ lí luận, nhất định họ cũng sẽ hiểu sâu sắc tác phẩm văn học.

2 . Sơ kết

- Đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học sử, lí luận văn học, tác phẩm văn học...

- Việc nghị luận về một ý kiến bàn về văn học thường tập trung vào giải thích, nêu ý nghĩa và tác dụng của ý kiến đó đối với văn học và đời sống.

3. Luyện tập, củng cố:

- HS đọc phần ghi nhớ.
- HS làm bài tập 1 trong phần luyện tập, sgk trang 93.

PHẦN MỘT: TÁC GIẢ

I. Tiểu sử.

- Tổ Hữu tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành.

- Ông sinh ngày 04/10/1920 mất ngày 09/12/2002.

- Quê ở Phù Lai, xã Quảng Thọ huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Gia thế: gia đình nghèo.

- Mồ côi mẹ từ năm 12 tuổi, học tiểu học ở Đà Nẵng, học trung học ở trường Quốc Học Huế.

- Quê hương đóng góp phần quan trọng vào sự hình thành hồn thơ Tổ Hữu: núi sông, phong cảnh xứ Huế, đây là vùng quê có nền văn hoá phong phú, độc đáo.

+ Hoạt động chính trị:

- Năm 1936 đang học ở trường Quốc học Huế, Tổ Hữu bỏ học và tham gia đoàn TNCSHCM.

- Năm 1938 Tổ Hữu tham gia vào Đảng.

- Cuối tháng 4/ 1939 Tổ Hữu bị bắt giam và bị đày ải qua nhiều nhà lao tại các tỉnh miền trung và Tây Nguyên.

- Tháng 3/1942 ông vượt ngục Đắc Lay(Kom Tum), tìm ra Thanh Hoá tiếp tục hoạt động cách mạng.

- Tháng 8/1945, Tổ Hữu làm chủ tịch uỷ ban khởi nghĩa Huế, và từ đó ông thường giữ những chức vụ chủ chốt trong 2 cuộc kháng chiến cho đến năm 1986.

=> Ở Tổ Hữu, con người nhà thơ và con người chính trị luôn thống nhất chặt chẽ. Sự nghiệp thơ gắn liền với sự nghiệp cách mạng, trở thành bộ phận của sự nghiệp cách mạng. Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật đợt I năm 1996.

II. Đường cách mạng, đường thơ.

Tổ Hữu có 5 tập thơ, mỗi tập đánh dấu một chặng đường hoạt động chính trị, một cảm xúc riêng về lịch sử hoạt động của ĐCSVN.

1. Tập " Từ ấy." 1937 đến 1946.

Đây là tập thơ đầu tay của Tổ Hữu, là hình ảnh người thanh niên, bức tranh xã hội từ

- Tập thơ gồm 3 phần:



+ "*Máu lửa*": gồm những bài thơ sáng tác trong mặt trận Dân Chủ. Nhà thơ cảm thông sâu sắc với cuộc sống cơ cực của những người nghèo khổ trong xã hội, đồng thời khơi dậy ở họ ý chí đấu tranh và niềm tin vào tương lai.

+ "*Xiềng xích*": Gồm những sáng tác trong nhà lao lớn ở Trung Bộ và Tây Nguyên, đó là tâm tư của một người trẻ tuổi tha thiết yêu đời và khát khao tự do, là ý chí kiên cường của người chiến sĩ quyết tâm tiếp tục đấu tranh ngay trong nhà tù. Đây là phần có giá trị nhất trong tập "*Từ ấy*".

+ "*Giải phóng*": Gồm những bài thơ tác giả viết từ khi vượt ngục đến những ngày đầu giải phóng vĩ đại của toàn dân tộc. Thể hiện niềm vui của người tù về với hoạt động chiến đấu của mình.

=> Giá trị đặc sắc của tập "*Từ ấy*" là ở chất men say lí tưởng, chất lãng mạn trong trẻo, tâm hồn nhạy cảm, sôi nổi, trẻ trung của cái tôi trữ tình mới.

2. Tập "*Việt Bắc*" (1947-1954).

Gồm những bài thơ được sáng tác trong giai đoạn kháng chiến chống TDP

- Tố Hữu đã miêu tả và ngợi ca anh vệ quốc quân, bà mẹ nông dân, chị phụ nữ, em liên lạc... Nhà thơ ngợi ca Đảng và Bác.

- Nhiều tình cảm lớn được thể hiện sâu đậm:

+ Tình quân dân.

+ Tiên tuyến với hậu phương.

+ Miền xuôi với miền ngược.

+ Cán bộ với quần chúng.

+ Nhân dân với lãnh tụ...

Tập thơ kết thúc bằng những lời hùng ca vang dội phản ánh khí thế chiến thắng hào hùng của dân tộc trong giờ phút lịch sử.

3. Tập "*Gió lộng*" (1955-1961).

- Nhà thơ hướng về quá khứ để thấm thía nỗi đau khổ của cha ông, công lao của những thế hệ đi trước mở đường, từ đó ghi sâu ân tình cách mạng.

- Cuộc sống mới ở miền Bắc thực sự là một ngày hội lớn, nhìn vào đâu cũng thấy tràn đầy sức sống và niềm vui.

- Đất nước đau nỗi đau chia cắt, thơ Tố Hữu thể hiện tình cảm thiết tha, sâu nặng với miền Nam ruột thịt.

4. "*Ra trận*" (1962-1971).

- Là những bài thơ ra đời trong cao trào cả nước chống Mĩ. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng được tập trung ca ngợi để đẩy mạnh niềm tin chiến thắng.

- Những bài thơ chính : *Tiếng hát xuân sang*(1965); *Xuân 69*; *Mẹ Suốt*; *Trần Thị Lí*; *Nguyễn Văn Trỗi*; *Anh giải phóng quân*. . .

5. "*Máu và hoa*" (1972-1977).

Với những bài thơ như: *Xin gửi miền Nam*; *Việt Nam máu và hoa*; *Nước non ngàn dặm* . . . được xem như là bản tổng kết về Tổ quốc Việt Nam anh hùng.

* Thơ Tố Hữu từ năm 1978 trở lại đây được tập hợp trong 2 tập: "*Một tiếng đờn*"(1992) và "*Ta với ta*"(1999). Là 2 tập thơ đánh dấu bước chuyển biến mới trong thơ Tố Hữu. Tố Hữu tìm đến với những chiêm nghiệm mang tính phổ quát về cuộc đời và con người. Thơ Tố Hữu vẫn kiên định thể hiện niềm tin vào lí tưởng và con đường cách mạng, tin vào chữ *nhân* luôn toả sáng ở mỗi con người.

III. Phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

* **Về nội dung**: thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị sâu sắc.

- Con đường thơ của Tố Hữu bắt đầu đúng lúc với sự giác ngộ cách mạng của nhà thơ.

- Cái tôi trữ tình trong thơ Tố Hữu từ buổi đầu là cái tôi chiến sĩ, cái tôi công dân, càng về sau chủ yếu là cái tôi nhân danh của Đảng, nhân danh cộng đồng dân tộc.

* Thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi.

- Nhân vật trữ tình trong thơ Tố Hữu là những con người đại diện cho những phẩm chất của giai cấp, dân tộc, thậm chí mang tầm vóc của lịch sử và thời đại.

- Thơ Tố Hữu tập trung thể hiện những vấn đề cốt yếu của đời sống cách mạng và vận mệnh dân tộc. Cảm hứng của Tố Hữu chủ yếu là cảm hứng lịch sử dân tộc chứ không phải là cảm hứng thế sự, càng không phải là cảm hứng đời tư. Cảm hứng của Tố Hữu chủ yếu là hướng về tương lai, đặt niềm tin vào sự thắng lợi của cách mạng, khơi dậy niềm vui và lòng say mê với con đường cách mạng. Con đường thơ Tố Hữu là con đường của đời sống cách mạng của sự nghiệp chung. Nổi bật trong thơ Tố Hữu là vấn đề vận mệnh dân tộc, cộng đồng chứ không phải vấn đề số phận cá nhân.

* Thơ Tố Hữu có giọng điệu riêng rất dễ nhận ra.

Đó là giọng điệu tâm tình ngọt ngào, là tiếng nói của tình thương mến.

* Thơ Tố Hữu giàu tính dân tộc.

- Về nội dung: thơ Tố Hữu đã phản ánh đậm nét hình ảnh con người Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam trong thời đại cách mạng, đã đưa những tư tưởng, tình cảm cách mạng hoà nhập và tiếp nối truyền thống tinh thần, tình cảm, đạo lí của dân tộc.

* **Về nghệ thuật**: Tố Hữu sử dụng đa dạng các thể thơ, nhưng đặc biệt thành công trong các thể thơ truyền thống.

- Ngôn ngữ: Tố Hữu dùng lối nói, từ ngữ quen thuộc với dân tộc.

- Nhạc điệu: thể hiện chiều sâu tính dân tộc của nghệ thuật thơ Tố Hữu. Tố Hữu có biệt tài trong việc sử dụng các từ láy, dùng vần và phối hợp các thanh điệu . . . , kết hợp với nhịp thơ tạo nên nhịp điệu phong phú của các câu thơ.

IV. Kết luận.

- Vị trí của thơ Tố Hữu: một thành công xuất sắc của thơ cách mạng, thơ trữ tình chính trị, kế tục truyền thống thơ ca của dân tộc.

- Thơ Tố Hữu là sự kết hợp hài hoà giữa hai yếu tố: cách mạng và dân tộc trong nghệ thuật.

- Sức thu hút trong thơ Tố Hữu là niềm say mê lí tưởng và tính dân tộc đậm đà.

PHẦN HAI : TÁC PHẨM

I.TÌM HIỂU CHUNG

1. Ý nghĩa nhan đề “Việt Bắc”

– Việt Bắc là quê hương cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, nơi che chở cho Đảng, cho chính phủ trong những ngày kháng chiến gian khổ.

– Nhan đề bài thơ gợi nhớ về Việt Bắc, có ý nghĩa nhắc nhở phải thủy chung với Việt Bắc tức là thủy chung với cách mạng.

2. Hoàn cảnh sáng tác

– Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi. Tháng 7/ 1954, Hiệp định Giơ - ne-vơ về Đông Dương được kí kết. Hoà bình lập lại, miền Bắc nước ta được giải phóng và bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Một trang sử mới của đất nước được mở ra.

– Tháng 10 / 1954 những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô. Nhân sự kiện có tính lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ “Việt Bắc”.

3. Vị trí đoạn trích: đoạn trích SGK là phần đầu bài thơ “Việt Bắc” trong nỗi nhớ của người ra đi

4. Chủ đề

– Qua buổi chia tay đầy lưu luyến, đoạn thơ tái hiện cuộc kháng chiến hào hùng với những con người gian khổ mà lạc quan.

– Tình dân quân thắm thiết, ân nghĩa thủy chung; khẳng định niềm tin đối với Đảng - Bác Hồ.

II.TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Cảnh chia tay đầy lưu luyến: 20 câu đầu

– Sử dụng kết cấu giao duyên trong giọng thơ lục bát êm đềm, lối xưng hô “*mình - ta*” vô cùng quen thuộc, rất thân mật, tình tứ, ý nhị vốn có của ca dao.

– Vừa sử dụng lời ca của dân gian, vừa rất sáng tạo khi tưởng tượng nên buổi chia tay đầy lưu luyến giữa kẻ ở người đi.

+ Người ở lại (Việt Bắc): tự xưng “*ta*”

+ Người ra đi (người CM): tự xưng “*mình*”

❖ **Khổ 1: Lời nhắn nhủ của người Việt Bắc**

– Hai câu hỏi tu từ cùng với điệp từ “*có nhớ*” được sử dụng linh hoạt

“Mình về mình có nhớ ta?”

“Mình về mình có nhớ không”

như một lời nhắn nhủ vang lên, ray rứt không nguôi.

– “*Mười lăm năm*”: một khoảng thời gian dài gian khổ kháng chiến trường kì (cán bộ gắn bó với Việt Bắc nặng tình)→tình cảm vô cùng sâu sắc.

+ Sử dụng trường liên tưởng để gợi nhớ: điệp từ “*nhìn*”, “*nhớ*”:

▪ Nhìn cây nhớ núi: núi rừng Việt Bắc

▪ Nhìn sông nhớ nguồn: cội nguồn cách mạng, quê hương cách mạng→ẩn dụ→khẳng định tình cảm da diết, sâu nặng của người về xuôi đối với người ở lại.

❖ **Khổ 2: Tiếng đồng vọng thiết tha của người ở lại trong lòng người ra đi:**

Ra đi nhưng luôn giữ hình ảnh âm thanh “*thiết tha*”, “*mặn nồng*” của người ở lại

– “*Tiếng ai tha thiết...*”; lời dặn dò nhắn nhủ của Việt Bắc trong buổi chia tay trở thành tiếng vọng (của Việt Bắc) đọng lại trong tâm hồn của người ra đi (CBCM).

– “*Bâng khuâng... bồn chồn*”: từ láy gợi cảm xúc vẩn vơ bịn rịn của người về trước sự lưu luyến của người ở lại →tâm trạng “*bâng khuâng*”: nỗi nhớ về thời gian, về một thời gắn bó nay phải chia xa.

– Nhớ hình ảnh:

“Áo chàm đưa buổi phân li

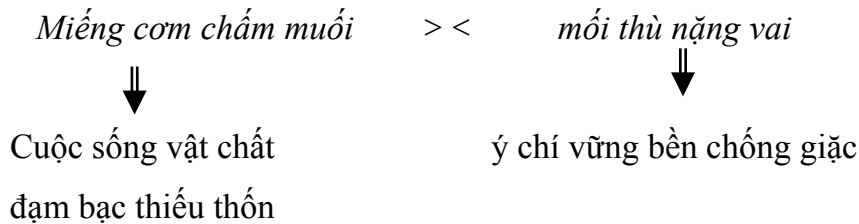
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

+ “*Áo chàm*”: hoán dụ - màu áo đơn sơ, bình dị để miêu tả người lao động VB (người VB thường mặc áo chàm).

+ Cái “*cầm tay*” đầy lưu luyến, không “*biết nói gì*”→không nói nhưng vẫn hiểu nhau→đó là tiếng lòng, là lời “*đồng vọng*” vang lên trong tâm khảm của người đi kẻ ở.

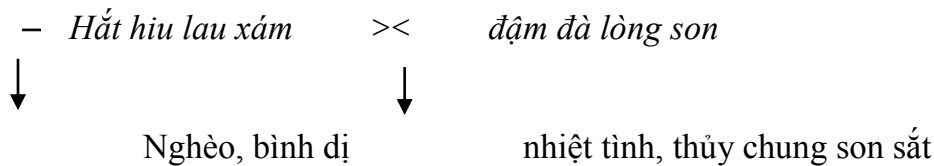
❖ **Khổ 3: (câu 9→12): Nhớ VB gian khổ mà kiên cường**

- Không gian VB hiện lên từ xa → gần, từ những ngày đầu tạo dựng sự nghiệp CM đến khi xác lập được những chiến khu vững chắc.
- Dùng những hình ảnh tượng trưng cho những buổi gian khổ: mưa nguồn, suối lũ, mây cùng mù → hình ảnh tiêu biểu cho những khó khăn gian khổ.
- Hình ảnh đối lập:



❖ **Khổ 4: Nhớ Việt Bắc nghĩa tình thủy chung:** (câu 13 -16)

- “*rừng núi nhớ ai*” → nói ẩn dụ, bóng gió biểu hiện tình cảm kín đáo sâu sắc của ca dao.
- “*Trám bùi để rụng, măng mai để già*” → hình ảnh thực có ý nghĩa ẩn dụ: VB cảm thấy trống vắng khi cán bộ về xuôi, hình ảnh cụ thể tiêu biểu một thời gắn bó kỉ niệm của VB.



→ VB giàu ân tình, tấm lòng VB đối với CM, CB kháng chiến nghĩa tình thủy chung.

❖ **Khổ 5: Nhớ VB - nhớ di tích lịch sử** (câu 17-20)

“*Nhớ khi kháng Nhật... Việt Minh*
Tân Trào, Hồng Thái... cây đa” } → Căn cứ địa CM → nơi thành lập MTVM,
 nơi hội họp chiến khu CM quan trọng

→ Hình thức lục bát giao duyên, ngôn ngữ thơ cân xứng hài hòa, hình ảnh thơ gợi cảm, âm điệu êm ái, vận dụng phép láy, phép đối lập → buổi chia tay đầy nhớ thương lưu luyến mệnh mệnh nghĩa tình qua những lời nhắc gọi nhớ của người ở lại - VB đối với người cán bộ về xuôi.

2. **Lời người về xuôi: VB được tái hiện trong nỗi nhớ của người về xuôi** (khổ 6-8) → khúc hát tâm tình của người cán bộ kháng chiến

❖ **Khổ 6** (câu 21-24): ý thơ như lời ước hẹn thủy chung (mặn mà đinh ninh) của CBCM với VB theo lối nói so sánh khẳng định của ca dao: “*Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu*”

❖ **Cảnh Việt Bắc trong hoài niệm người về xuôi (khổ 7)**

- Điệp từ “*nhớ*” được nhắc lại cùng với những địa danh, hình ảnh đi vào lịch sử, gắn bó với sự lớn mạnh của quân đội CM, không bao giờ phai nhạt trong tâm trí con người.

- Lối so sánh đặc sắc: nhớ VB “*như nhớ người yêu*” → tình cảm gắn bó, thân mật.
- Cụ thể: “*bản khói*”, “*cùng sương*”, “*rừng nửa*”, “*bờ tre*”, “*ngôi Thia*”, “*sông Đáy*”, “*suối Lê*”, “*trăng lên*”, “*nắng chiều*” → hình ảnh đẹp, thi vị, đặc sắc.
- Hình ảnh đặc trưng: “*Sớm khuya bếp lửa người thương đi về*” → thấp thoáng bóng dáng con người lam lũ ân tình của VB.

❖ **Người VB cần cù gian khổ, hi sinh mà gắn bó thương yêu** (khổ 8: câu 31- 42)

- “*Chia củ sắn lùi*”
“*Bát cơm sẻ nửa*”
“*Chăn sui đắp cùng*” } → Hình ảnh thực - cụ thể: tấm lòng chia ngọt xẻ bùi, đùm bọc trong gian khó thiếu thốn
- “*Nhớ người mẹ nắng cháy lưng*”
“*Địu conbẻ từng bắp ngô*” } → Nỗi vất vả cảm động của người mẹ VB

→ Những con người VB nghèo khổ đã cưu mang nuôi sống CM và kháng chiến, nỗi nhớ ở đây chan chứa yêu thương thể hiện lòng biết ơn sâu nặng.

– Hình ảnh “*đồng khuya đuốc sáng*”, “*lớp học i tờ*” tái hiện những sinh hoạt ở chiến khu VB, rất vui tươi sôi động dù còn lắm khó khăn gian khổ. Hoạt động kháng chiến và cách mạng đã xua tan cái u ám của không gian rừng núi, cũng như tạo nên nét sinh động cho cảnh vật.

3. **Thiên nhiên con người VB: Kỷ niệm ấn tượng sâu sắc, đẹp đẽ** (khổ 9: câu 43 → 52)

❖ **Hai câu đầu:** “*Ta về, mình có nhớ ta?*”

“*Ta về, ta nhớ những hoa cùng người*”

- Cách xưng hô: người CM tự xưng là “*ta*” → nhân vật trữ tình chủ động bộc lộ nỗi nhớ, niềm thương với “*mình*” (người VB).
- Hỏi ngược lại người VB : “*mình có nhớ ta*”
- Xác định: “*Ta về – ta nhớ*” → khẳng định lúc nào cũng nhớ, nỗi nhớ luôn mang theo bên mình → đó là nỗi nhớ cụ thể: “*những hoa cùng người*”.

❖ **Tám câu sau:** bức tranh 4 mùa tươi đẹp, thơ mộng và hết sức trữ tình của VB đã làm nổi bật vẻ đẹp của con người lao động trong nỗi nhớ tha thiết của người CM.

a. **Mùa đông:** “*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*”

“*Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng*”

– Màu sắc hài hòa tươi đẹp, mùa đông nhưng không lạnh lẽo, chết chóc mà đầy sức sống, ấm áp.

– Nghệ thuật hoán dụ: “*nắng ánh dao gài thắt lưng*” khắc họa hình ảnh con người lao động VB đang len lỏi giữa núi rừng, ánh nắng chiếu qua hàng cây, kẽ lá, gặp “*dao gài*” tạo nên hiện tượng phản xạ ánh sáng → sáng lấp lánh.

b. Mùa xuân:

“*Ngày xuân mơ nở trắng rừng*”

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”

– Hoa mơ nở trắng rừng, tạo nên vẻ đẹp rất riêng của núi rừng VB vào ngày xuân, làm sáng bừng cả núi đồi.

– Con người đang lao động miệt mài: “*chuốt từng sợi giang*” để tạo dựng cuộc sống ấm no.

c. Mùa hè: tươi tắn tràn ngập tiếng ve ngân

“*Ve kêu rừng phách đổ vàng*”

Nhớ cô em gái hái măng một mình”

– Âm thanh “*ve kêu*” → cả không gian sống động.

– Màu sắc: màu vàng rực của hoa phách, màu vàng của ánh nắng ngày hè tạo nên một vẻ đẹp không gian thơ mộng, lãng mạn.

– Con người xuất hiện trong cảnh tình mùa hè đẹp đẽ, đó là “*cô em gái*” lao động gan dạ, dám “*hái măng một mình*” nơi rừng sâu heo hút → sự thương yêu và cảm động của tác giả.

d. Mùa thu

“*Rừng thu trăng rọi hòa bình*”

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”

→ không gian lung linh huyền ảo, rất thích hợp cho con người bộc lộ tâm tình, những tình cảm ân tình thủy chung của VB với CM, của nhân dân với CM.

4. Nhớ VB đánh giặc anh hùng: (khổ 10-11)

“*Nhớ khi giặc đến giặc lùng*”

.....

Vui lên VB, đèo De, núi Hồng”

❖ **Núi rừng VB cùng người đánh giặc anh dũng**

– Nhân hóa, ẩn dụ: “*Rừng cây núi đá... đánh Tây*”, “*Núi giăng*”, “*Rừng che...rừng vây*”

– Điệp từ “*nhớ*”+ liệt kê hình ảnh: *Phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Phố Ràng, Cao Lạng, Nhị Hà* → giọng điệu dồn dập thể hiện niềm hân hoan, náo nức, phấn khởi tự hào.

❖ **Khí thế đánh giặc và chiến thắng liên tiếp vang dội** (k11)

– **8 câu đầu:** khí thế mạnh mẽ, quang cảnh VB đánh giặc được miêu tả bằng nhiều nghệ thuật rất đặc sắc và đầy ấn tượng:

+ Nghệ thuật điệp âm, điệp từ: “*đêm đêm rầm rập*” “*điệp điệp, trùng trùng*” → gợi tả sự rung vang, chuyển động → quang cảnh hoành tráng thần kì.

+ Nghệ thuật đối lập: “*ngàn đêm thăm thẳm*” < “*đèn pha bật sáng*”

+ So sánh, thậm xưng: “*như là đất rung*”, “*bước chân nát đá*”

→ Khí thế hào hùng của quân dân thể hiện tinh thần quyết chiến quyết thắng và sức mạnh quần chúng của kháng chiến toàn dân toàn diện.

– **4 câu sau:** chiến thắng khắp nơi dồn dập:

+ Điệp từ “*Vui*” → tăng tiến: “*vui về*”, “*vui từ*”, “*vui lên*”

+ Liệt kê nhiều địa danh, nhiều chiến công vang dội và niềm vui bất tận.

→ Nhịp thơ sôi nổi, dồn dập, đoạn thơ thể hiện niềm tự hào của tác giả đồng thời cũng như bảng tổng kết trên nét lớn quá trình phát triển lực lượng của quân dân ta trong 9 năm kháng chiến, ở đây có lẽ khí thế của quân dân ta trong những ngày chuyển quân chuẩn bị cho chiến dịch ĐBP chẳng?

5. VB - đầu não cuộc kháng chiến toàn quốc → nổi nhớ gắn liền với niềm tin, niềm lạc quan (khổ 12-13)

– Nhịp thơ trở lại khoan thai, hình ảnh thơ, cách diễn đạt dung dị → tình cảm thiết tha, niềm tin yêu của nhân dân đối với VB → căn cứ địa CM.

“*Nắng trưa rực rỡ sao vàng*”

Trung ương chính phủ luận bàn việc công”

→ Nghệ thuật liệt kê, trong cả khổ thơ (12) miêu tả tính chất lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến toàn quốc (năng động sáng suốt).

+ Điệp từ “*ở đâu*” → điệp ý khẳng định vị trí, vai trò của VB và Bác Hồ trong lòng người dân

Ở đâu	$\left\{ \begin{array}{l} \diagup \\ \diagdown \end{array} \right.$	<i>U ám</i>	$\left. \begin{array}{l} \diagup \\ \diagdown \end{array} \right\}$	<i>nhìn lên</i>	$\left. \begin{array}{l} \diagup \\ \diagdown \end{array} \right\}$	VB	$\left\{ \begin{array}{l} \text{cụ Hồ} \\ \text{VB} \end{array} \right\}$	<i>nuôi chí</i>
		<i>đau đớn</i>		<i>trông về</i>				

+ Đối lập

→ VB kiên cường là tấm gương sáng

→ Bác Hồ là chỗ dựa tinh thần vững chắc là tin yêu của Đảng, toàn dân.

→ Giọng thơ của tác giả đầy tự hào về lãnh tụ, về VB.

III. KẾT LUẬN

– “VB” là một trong những bài thơ thành công trong tập thơ “VB” của Tố Hữu - bản anh hùng ca của cuộc kháng chiến chống Pháp.

– Qua việc tái hiện cuộc kháng chiến gian khổ nhưng kiên cường của quân dân, của Đảng và Bác Hồ ở Việt Bắc, tác giả đã phản ánh được mối quan hệ thủy chung son sắt nghĩa tình của cán bộ CM và đồng bào VB.

– Kết cấu “VB” là lời đối đáp làm cho bài thơ dễ thuộc, dễ đi vào lòng người đọc.

-----000-----

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGŨ ÂM

I. TẠO NHỊP ĐIỀU VÀ ÂM HƯỞNG CHO CÂU:

1. Nhận xét về nhịp điệu, sự phối hợp âm thanh trong đoạn văn sau nhằm tạo ra âm hưởng hùng hồn, danh thép cho lời tuyên ngôn:

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Hồ Chí Minh – Tuyên Ngôn Độc Lập

► Trả lời:

- Sự phối hợp nhịp ngắn và nhịp dài: hai vế đầu dài, nhịp điệu dàn trải, phù hợp với cuộc đấu tranh trường kì của dân tộc. Vế sau ngắn, nhịp điệu dồn dập, mạnh mẽ, phù hợp với sự khẳng định hùng hồn về quyền độc lập tự do của dân tộc.

- Sự thay đổi về thanh bằng, thanh trắc cuối mỗi nhịp: vế thứ 1, 2, 3 của câu đầu đều kết thúc bằng các âm tiết mang thanh bằng (**may, may, do** – âm tiết mở), câu tiếp theo kết thúc bằng âm tiết mang thanh trắc (**lập** – âm tiết đóng). Vì vậy, kết thúc bằng âm tiết mang thanh trắc sẽ có âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát, thích hợp với lời khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc.

- Phối hợp với nhịp điệu và âm thanh, đoạn văn có dùng phép điệp từ ngữ (**một dân tộc đã gan góc, dân tộc đó phải được...**) và điệp cú pháp (hai vế đầu dài, có kết cấu cú pháp giống nhau; vế sau và câu cuối ngắn, kết cấu cú pháp cũng giống nhau).

2. Phân tích tác dụng của âm thanh, nhịp điệu (có sự phối hợp với phép lặp từ ngữ và kết cấu cú pháp) trong việc tạo nên sắc thái hùng hồn, thiêng liêng của lời kêu gọi cứu nước (trích) sau đây (chú ý vần, ngắt nhịp và đối xứng)

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có

súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước. (Hồ Chí Minh)

► Trả lời:

- Phép điệp kết hợp với phép đối. Không phải chỉ điệp từ ngữ mà cả lặp kết cấu ngữ pháp và nhịp điệu. Không chỉ đối xứng từ ngữ mà còn đối cả về nhịp điệu và kết cấu ngữ pháp, **VD: Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm** (3/2, 3/2). Với kết cấu ngữ pháp đều là C – V – P(phụ ngữ).

- Câu văn xuôi nhưng có vần,**VD: bà – già**, câu 2 điệp vần **ung** giữa các tiếng súng.

- Sự phối hợp giữa những nhịp ngắn (đầu câu 1, 2, 3) với những nhịp dài dần trải (về cuối câu 1, 4) tạo nên âm hưởng khi khoan thai, khi dồn dập mạnh mẽ. Điều đó thích hợp với một lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng.

3. Nhịp điệu và âm hưởng trong đoạn văn sau thích hợp với việc khẳng định, ngợi ca sức mạnh, ý chí kiên cường của cây tre, hình ảnh tượng trưng cho con người VN. Hãy phân tích để làm sáng tỏ điều đó.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động. Tre, anh hùng chiến đấu.

(Thép Mới)

► Trả lời:

Về từ ngữ, đoạn văn có đặc điểm là dùng phép nhân hóa, đồng thời dùng nhiều động từ. Những biện pháp đó phối hợp với các yếu tố ngữ âm sau:

- Sự ngắt nhịp khi cần liệt kê.

- Câu 3 ngắt nhịp liên tiếp như lời kể về từng chiến công của tre. Hơn nữa, nhịp ngắn trước, nhịp dài sau tạo nên âm hưởng du dương của lời ca ngợi.

- Hai câu cuối, câu được ngắt nhịp giữa chủ ngữ và vị ngữ, tạo nên âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát của một lời tuyên dương công trạng, khẳng định ý chí kiên cường và chiến công vẻ vang của tre.

II. ĐIỆP ÂM, ĐIỆP VẦN, ĐIỆP THANH:

1. Phân tích tác dụng tạo hình tượng của việc điệp âm đầu trong các câu thơ sau:

a. ***Dưới trăng quỳên đã gọi hè***

Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông

Nguyễn Du, *Truyện Kiều*

b. ***Làn ao lóng lánh bóng trăng loe***

► Trả lời:

+ Câu a: Sự lặp lại và phối hợp 4 phụ âm đầu (L) trong các tiếng ***lửa lựu lập lòe*** miêu tả được trạng thái ẩn hiện trên 1 diện rộng của hoa lựu (đỏ như lửa và lấp ló trên cành như những đốm lửa lủa ẩn, lúc hiện trong tán lá).

+ Câu b: Ở đây có sự phối hợp của các phụ âm đầu L (4 lần) trong 1 câu thơ. Điều đó diễn tả được trạng thái của ánh trăng phản chiếu trên mặt ao: ánh trăng như phát tán rộng hơn, loang ra và choán lấy khắp bề mặt không gian trên mặt ao.

2. Trong đoạn thơ sau, vần nào được lặp lại nhiều nhất? Nêu tác dụng biểu hiện sắc thái ý nghĩa của phép điệp vần đó.

Lá bàng đang đỏ ngọn cây
Sếu giang manh lạnh đang bay ngang trời
Mùa đông còn hết em ơi!

Mà con én đã gọi người sang xuân!

► Trả lời:

+ Vần được lặp lại nhiều nhất là vần ***ang***: 7 tiếng

+ Vần ***ang*** tạo nên âm hưởng rộng mở, tiếp diễn kéo dài. Nó phù hợp với cảm xúc chung: mùa đông đang còn tiếp diễn với nhiều dấu hiệu đặc trưng (lá bàng đang đỏ, sếu bay về phương nam để tránh rét), vậy mà đã có những lời mời gọi của mùa xuân.

3. ***Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm***
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Quang Dũng – *Tây Tiến*

Đoạn thơ trên đã gợi ra được khung cảnh hiểm trở của vùng rừng núi và sự gian lao, vất vả của cuộc hành quân là nhờ có sự đóng góp của nhiều yếu tố. Hãy phân tích.

- Nhịp điệu các dòng thơ.

- Sự phối hợp các thanh bằng và trắc ở ba dòng thơ đầu và cách dung toàn thanh bằng (điệp thanh) ở dòng cuối.

- Các yếu tố từ ngữ, từ láy, phép đối, phép lặp từ ngữ, nhân hóa.

- Phép lặp cú pháp.

► Trả lời:

- Nhịp 4/3 ở 3 câu đầu.

- Sự phối hợp các thanh bằng và thanh trắc ở 3 câu đầu, trong đó câu đầu thiên về vần trắc. Câu 4 toàn vần bằng. Tất cả gọi 1 không gian hiểm trở và mang sắc thái hùng tráng mạnh mẽ. Câu 4 toàn vần bằng gọi tả 1 không khí thoáng đãng, rộng lớn trải ra trước mắt khi đã vượt qua con đường gian lao vất vả, làm dịu đi sự gian khổ của con đường hành quân được miêu tả ở 3 câu đầu.

- Từ láy gợi hình: *khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút*. Đôi từ ngữ: *dốc lên khúc khuỷu / dốc thăm thẳm; Ngàn thước lên cao / ngàn thước xuống*. Phép lặp từ ngữ: *dốc, ngàn thước*. Nhân hóa: *súng người trời*.

- Phép lặp cú pháp ở câu 1 và câu 3.

----HẾT---

